

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY MẸ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ
VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012



AFC VIETNAM

■ Audit ■ Tax ■ Advisory

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 565 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo Kiểm toán	6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin là Công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam) theo Quyết định số 3938/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011515 ngày 28 tháng 03 năm 2006. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0500237543 ngày 06/03/2013.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 8 ngày 06/03/2013, vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 VND được chia thành 1.600.000 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 952.920 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông sáng lập	Số cổ phần
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	816.600
2	Các cổ đông sáng lập khác	136.320

2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên:

Chức vụ:

Hội đồng quản trị

- Ông Đỗ Hồng Nguyên	Chủ tịch (từ ngày 16/03/2013)	(i)
- Ông Phạm Công Hương	Chủ tịch (đến hết ngày 15/03/2013)	(ii)
- Ông Phùng Tân Cương	Ủy viên	
- Ông Dương Phi Hùng	Ủy viên (từ ngày 16/03/2013)	(ii)
- Ông Nguyễn Tiến Chính	Ủy viên (đến hết ngày 15/03/2013)	(ii)

Ban Giám đốc

- Ông Phạm Công Hương	Giám đốc (đến hết ngày 28/02/2013)	(iii)
- Ông Đỗ Hồng Nguyên	Giám đốc (từ ngày 01/03/2013)	(iv)
- Ông Đỗ Hồng Nguyên	Phó Giám đốc (đến hết ngày 28/02/2013)	
- Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Giám đốc	
- Ông Lê Văn Duẩn	Phó Giám đốc	
- Ông Lê Việt Phương	Phó Giám đốc	

- (i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04.13/NQ-HĐQT ngày 16/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Mỏ và Công nghiệp - Vinacomin.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

- (ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 03.13/NQ-VIMCC ngày 16/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.
- (iii) Theo Nghị quyết HĐQT số 02.13/NQ-VIMCC ngày 01/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin và Quyết định số 01.HĐQT/QĐ-VIMCC ngày 01/03/2013 của Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.
- (iv) Theo Nghị quyết HĐQT số 02.13/NQ-VIMCC ngày 01/03/2013 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin, Quyết định số 02.HĐQT/QĐ-VIMCC ngày 01/03/2013 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 565 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Công ty con

Ghi chú

- 1. Công ty CP TVĐT than Uông Bí

Kể từ ngày 01/09/2012

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

- 1. Xí nghiệp Thiết kế than Hòn Gai
- 2. Xí nghiệp Dịch vụ TH & XD
- 3. Xí nghiệp Thương mại & CGCN
- 4. Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Lương Sơn

Chấm dứt hoạt động từ ngày 01/10/2012

Công ty liên kết

- 1. Công ty CP TVĐT Mỏ Lương Sơn

Đăng ký lần đầu ngày 20/02/2012

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, hoạt động chính của Công ty là: Tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ, hoạt động thương mại. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

6. Sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty có các thay đổi như sau:

- Xí nghiệp Khai thác Khoáng sản Lương Sơn đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 21/11/2012 (ngày thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh doanh nghiệp) theo Quyết định số 1069A/QĐ-VIMCC ngày 01/10/2012 của Hội đồng quản trị và Quyết định số 162/QĐ-PĐKKD ngày 21/11/2012 của sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình;
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ & công nghiệp - Vinacomin tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Mỏ Lương Sơn (được thành lập và hoạt động theo Giấy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 02 tháng 02 năm 2012 với vốn điều lệ là 8.000.000.000 đồng) với tỷ lệ nắm giữ là 30% vốn điều lệ, tương đương 2.400.000.000 đồng (góp vốn dưới hình thức bù trừ công nợ);

- Ngày 01/09/2012, Công ty đã nhận chuyển nhượng 75.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí từ Công ty TNHH MTV Than Uông Bí với giá trị chuyển nhượng là 765.000.000 đồng; và nhận chuyển nhượng 1.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí từ Công ty TNHH MTV Than Nam Mẫu với giá trị chuyển nhượng là 15.000.000 đồng. Theo đó, kể từ ngày 01/09/2012, Công ty đã sở hữu 76.500 cổ phần, tương đương với 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư than Uông Bí..

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH BDO Việt Nam (nay đổi tên là công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

00
NH
TY
HUI
OAI
F N
N
T

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
Địa chỉ: Số 565 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã lập Báo cáo tài chính theo đúng các yêu cầu trên.

10. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



C.T.
HÀ
M
HÀ



AFC VIET NAM CO., LTD

Tel.: +84 4 37670657/37670658
Fax: +84 4 37670555

Ha Noi Office
93/B1 Cau Giay Street
Quan Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam

Số: 53/2013/BCKT-AFCHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỞ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 6 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mở và công nghiệp - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý về tài chính, kế toán có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi xin được lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc Công ty đã tạm phân phối toàn bộ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 01.13/NQ-VIMCC ngày 10/01/2013 của Hội đồng quản trị.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Như Tiên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0449/KTV

Nguyễn Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0740/KTV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.848.736.276	124.368.142.859
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	20.933.371.207	30.121.366.777
Tiền	111		20.933.371.207	30.121.366.777
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		149.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		149.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.992.938.702	70.404.024.714
Phải thu khách hàng	131		57.185.692.052	68.744.024.447
Trả trước cho người bán	132		2.284.795.243	681.101.455
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		15.513.886	-
Các khoản phải thu khác	135	5.2	1.677.522.731	1.451.119.173
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.170.585.210)	(472.220.361)
Hàng tồn kho	140	5.3	28.140.038.603	21.845.909.712
Hàng tồn kho	141		28.140.038.603	21.845.909.712
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.633.387.764	1.996.841.656
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		104.095.425	63.360.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	49.323.950
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.529.292.339	1.884.157.706
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.307.317.036	17.564.629.620
Tài sản cố định	220		11.000.559.710	13.854.591.336
TSCĐ hữu hình	221	5.5	10.848.947.892	13.376.047.237
- Nguyên giá	222		30.218.030.050	30.199.751.370
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(19.369.082.158)	(16.823.704.133)
TSCĐ vô hình	227	5.6	-	4.762.368
- Nguyên giá	228		548.254.630	548.254.630
- Giá trị khấu hao lũy kế	229		(548.254.630)	(543.492.262)
Chi phí XDCB dở dang	230	5.7	151.611.818	473.781.731
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.180.000.000	-
Đầu tư vào công ty con	251		780.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.400.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.126.757.326	3.710.038.284
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	523.507.414	3.092.662.163
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		603.249.912	617.376.121
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		127.156.053.312	141.932.772.479

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		104.124.273.647	120.242.089.341
Nợ ngắn hạn	310		101.109.889.047	113.387.426.425
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	16.428.083.044	1.856.717.975
Phải trả người bán	312		33.914.033.724	44.427.772.928
Người mua trả tiền trước	313		18.346.550.764	23.014.503.341
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	6.240.452.732	6.145.137.310
Phải trả người lao động	315		8.992.254.845	9.746.731.502
Chi phí phải trả	316	5.12	1.871.170.242	2.301.372.009
Phải trả nội bộ	317		2.591.686.176	2.852.583.108
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	10.120.846.046	20.367.436.441
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.604.811.474	2.675.171.811
Nợ dài hạn	320		3.014.384.600	6.854.662.916
Vay và nợ dài hạn	334	5.14	2.962.428.800	5.134.709.800
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.667.997.316
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		51.955.800	51.955.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.031.779.665	21.690.683.138
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	22.987.283.665	21.690.683.138
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.16	-	304.525.123
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(74.227.202)
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.001.375.961	3.498.400.163
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.441.583.405	1.961.985.054
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	5.16	544.324.299	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		44.496.000	-
Nguồn kinh phí	432		44.496.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		127.156.053.312	141.932.772.479

295
NHÀ
NG
HỆM
M T
LIẾT
HÀ
ÁY

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp.Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài (VND)		-	-
Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (VND)		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		-	41.264.423
Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		10.705,02	55.626,65
+ KIP		-	-
+LAK		-	-
+EUR		-	-
+CNY		-	-
+JPY		-	-
+AUD		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án (VND)		-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đỗ Ngọc Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Đức Tuấn

GIÁM ĐỐC



Đỗ Hồng Nguyên

001/ NH C Y HƯU I SÁN NAM NỘI TP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp.Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu B 02-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	233.695.356.048	300.673.598.770
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	8.237.707
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	233.695.356.048	300.665.361.063
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	208.277.467.978	271.146.443.090
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.417.888.070	29.518.917.973
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	675.370.189	468.499.365
Chi phí tài chính	22	6.6	2.534.033.595	3.511.317.649
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.991.175.909	1.689.613.985
Chi phí bán hàng	24		1.318.137.624	2.506.265.318
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.730.023.980	16.363.342.247
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.511.063.060	7.606.492.124
Thu nhập khác	31		2.486.028.491	662.523.685
Chi phí khác	32		363.367.808	117.791.595
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.122.660.683	544.732.090
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.633.723.743	8.151.224.214
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.823.614.014	2.621.108.953
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		14.126.209	(560.387.202)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.795.983.520	6.090.502.464
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2.997	4.799

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Đỗ Ngọc Hải

Lê Đức Tuấn



Đỗ Hồng Nguyên

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp năm sau
A	B	C	1	2	3	4 = 1 + 2 - 3
I	Thuế	10	6.145.137.310	23.450.049.688	23.354.734.266	6.240.452.732
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	3.423.033.405	11.105.909.458	10.402.431.164	4.126.511.699
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12	-	4.863.166.969	4.863.166.969	-
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
4	Thuế xuất, nhập khẩu	14	77.100.000	1.063.836.944	1.140.936.944	-
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	1.427.528.254	1.913.805.015	2.475.000.000	866.333.269
6	Thuế tài nguyên	16	-	-	-	-
7	Thuế nhà đất	17	-	446.135.574	446.135.574	-
8	Tiền thuê đất	18	-	-	-	-
9	Các khoản thuế khác	19	1.217.475.651	4.057.195.728	4.027.063.615	1.247.607.764
II	Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1	Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
2	Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
3	Các khoản khác	33	-	-	-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đỗ Ngọc Hải

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Đức Tuấn

GIÁM ĐỐC



Đỗ Hồng Nguyên

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ MỎ VÀ CÔNG NGHIỆP - VINACOMIN
Địa chỉ: 565 Nguyễn Trãi - Quận Thanh Xuân - Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KD			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.633.723.743	8.151.224.214
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	2.905.474.298	3.573.881.609
Các khoản dự phòng	03	698.364.849	275.408.400
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(29.960.301)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(496.947.183)	(453.244.454)
Chi phí lãi vay	06	1.991.175.909	1.689.613.985
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn LĐ	08	11.701.831.315	13.236.883.754
Tăng giảm các khoản phải thu	09	9.712.721.163	(41.210.222.381)
Tăng giảm hàng tồn kho	10	(6.294.128.891)	2.236.733.328
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(31.224.743.483)	24.961.051.930
Tăng giảm chi phí trả trước	12	2.528.419.324	(2.378.327.639)
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.991.175.909)	(1.550.987.076)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(2.475.000.000)	(1.258.040.631)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.498.422.890	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(351.267.043)	(832.544.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(15.894.920.634)	(6.795.452.753)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(460.106.188)	(3.711.085.985)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	145.200.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(149.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(3.180.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	496.947.183	453.244.454
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.292.159.005)	(2.612.641.531)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.532.039.153	15.049.458.112
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.132.955.084)	(15.586.490.837)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.400.000.000)	(742.172.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.999.084.069	(1.279.205.075)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.121.366.777	40.882.893.338
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ng. tệ			(74.227.202)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.933.371.207	30.121.366.777

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Ngọc Hải

Lê Đức Tuấn



Đỗ Hồng Nguyên

Báo cáo tài chính này phải được đọc chung với các thuyết minh kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư mỏ và công nghiệp - Vinacomin là Công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Đầu tư mỏ và công nghiệp - TKV (thuộc Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam) theo Quyết định số 3938/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103011515 ngày 28 tháng 03 năm 2006. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 với mã số doanh nghiệp 0500237543 ngày 06/03/2013. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan gồm có: Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, điện lực, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông; Khảo sát thiết kế xây dựng công trình công nghiệp mỏ, công trình giao thông, công trình hạ tầng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; thiết kế công trình điện năng: đường dây tải điện, trạm biến thế điện, công trình điện dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước khu công nghiệp, dân dụng, giao thông; thẩm định các dự án đầu tư (chỉ thẩm định các thiết kế đã được đăng ký kinh doanh); thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các dự án đầu tư; thiết kế khảo sát, khoa thăm dò địa chất công trình, địa chất thủy văn; thiết kế kỹ thuật trắc địa, đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông đường bộ (Lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện); Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điện công trình dân dụng và công nghiệp; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ điều khiển công trình khai thác mỏ; giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình khai thác mỏ;
- Hoạt động tư vấn quản lý gồm có: Tư vấn xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng, nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho ngành mỏ và các ngành công nghiệp khác; tư vấn đấu thầu, nghiên cứu đánh giá tác động môi trường; lập định mức đơn giá, định giá, chỉ số và suất đầu tư xây dựng chuyên ngành (không bao gồm tư vấn tài chính, thuế);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác gồm có: Xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, giao thông, vận tải, điện lực;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Dịch vụ thương mại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày gồm có: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ;
- Khai thác và thu gom than cứng gồm có: Khai thác, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác gồm có: Kinh doanh vật tư thiết bị ngành khai khoáng và các ngành công nghiệp khác, công nghiệp, nông nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường bộ gồm có: Bốc xúc vận tải khoáng sản, đất đá và san lấp mặt bằng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác gồm có các ngành nghề sau: Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và đào tạo chuyển giao công nghệ ngành mỏ, nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp đặt các thiết bị gia công cơ khí;
- Đại lý du lịch gồm có: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Sản xuất khác gồm có: Chế biến lâm sản và kinh doanh gỗ trụ mỏ (trừ lâm sản NN cấm);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê gồm có: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, kho, bãi;

Công ty có trụ sở tại số 565 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 16.000.000.000 đồng.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 504 người, trong đó số nhân viên quản lý là 119 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011, ngoại trừ thay đổi về chính sách kế toán dưới đây.

Thay đổi trong chế độ/chính sách kế toán đối với xử lý chênh lệch tỷ giá

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012 (gọi tắt là "Thông tư 179") về việc quy định về ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính.

Việc thay đổi chính sách đối với việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái nêu trên được Ban Giám đốc Công ty đánh giá không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính (tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là 20.815 VND/USD). Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá được xác định theo phương pháp giá đích danh.
- Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm của hoạt động tư vấn và chuyển giao công nghệ là chi phí trực tiếp liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được xác định bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu năm cộng chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong năm trừ đi số chi phí giá vốn hàng bán trong năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

4.7 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm các chi phí chờ phân bổ, công cụ dụng cụ và giá trị của các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 18 tháng kể từ khi phát sinh.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0500237543 điều chỉnh lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày ngày 06 tháng 03 năm 2013, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, đại diện ông Đỗ Hồng Nguyên	8.160.000.000	8.160.000.000	100%
Các cổ đông khác	7.840.000.000	7.840.000.000	100%

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách tin cậy.

- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.11 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế Giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế mức thuế suất 10% (trừ các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho dự án môi trường không chịu thuế)
- Doanh thu hoạt động chuyển giao công nghệ mức thuế suất 10%
- Doanh thu hoạt động thương mại mức thuế suất 10%
- Xây dựng và các loại dịch vụ, vật tư hàng hóa khác mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.